TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **157**/2018/DS-PT
Ngày: 10/4/2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu.

Ông Lê Thanh Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 177/2017/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965

Trú tại: Số 264, ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng A (Tư K), sinh năm 1974 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: 1. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Ngô Văn A1, sinh năm 1956 (xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 222, ấp H, xã T, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1959 (có mặt).

Trú tại: Số 170/1A Đinh Bộ L, phường 2, thành phố T, Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Đ, Ngô Văn A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị P là ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Bà Nguyễn Thị P là đầu thảo hụi, bà Đ có tham gia 03 dây hụi tháng, mỗi dây là 10.000.000 đồng, mỗi dây có 21 phần, mở cùng ngày 29/7/2015 âm lịch, mãn cùng ngày 29/3/2017 âm lịch, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Bà Đ hốt vào ngày 29/8/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 11/10/2015), bà Đ nhận số tiền là 147.500.000 đồng, có Giấy giao hụi ngày 29/8/2015 âm lịch.

- Dây thứ hai: Bà Đ hốt vào ngày 29/10/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 10/12/2015), bà Đ nhận số tiền 152.500.000 đồng, có Giấy giao hụi ngày 29/10/2015 âm lịch.

- Dây thứ ba: Bà Đ hốt vào ngày 29/11/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 08/01/2016), bà Đ nhận số tiền 155.000.000 đồng, có Giấy giao hụi ngày 29/10/2015 âm lịch.

Khi bà Đ hốt hụi, bà P đã giao đủ tiền cho bà Đ, bà Đ đã nhận tiền và có ký nhận vào các giấy giao hụi. Sau khi hốt hụi, bà Đ có đóng tiền nhiều lần nhưng không đầy đủ, đến ngày 10/10/2016 bà P tổng kết lại của 03 dây hụi, bà Đ còn thiếu bà P đến ngày làm biên nhận là 200.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận bà Đ có hứa trong một tháng sẽ trả nhưng bà Đ không thực hiện. Do đó, ông đại diện cho bà P yêu cầu bà Đ trả số tiền 200.000.000 đồng và 05 tháng hụi chết từ thời điểm viết Biên nhận đến khi kết thúc cả ba dây hụi là 150.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, vào ngày 09/11/2015 âm lịch ông Ngô Văn A1 (3 T1) là chồng bà Đ và bà Đ có tham gia dây hụi 30.000.000 đồng/tháng do bà P làm chủ hụi. Hụi mở ngày 09/11/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 19/12/2015), kết thúc vào ngày 09/7/2017 âm lịch (dương lịch là ngày 30/8/2017), hụi có 21 phần. Ông A1 không đứng tên tham gia mà do bà Đ đại diện. Bà Đ hốt ở lần khui thứ 8, số tiền hốt là 487.500.000 đồng nhưng do bà Đ còn nợ riêng của bà P 37.500.000 đồng nên bà P chỉ giao cho bà Đ 450.000.000 đồng, có Giấy giao hụi ngày 09/6/2016.

Sau khi hốt hụi bà Đ, ông A1 không đóng hụi chết, bà P đã nhiều lần yêu cầu bà Đ, ông A1 trả tiền hụi nhưng ông A1, bà Đ hứa nhiều lần mà không thực hiện, nên ngày 26/01/2017 ông A1 viết Biên nhận và hứa đến ngày mùng 10/10/2017 âm lịch sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà P nhưng ông A1, bà Đ không thực hiện. Đối với dây hụi này tại thời điểm ông A1 viết biên nhận thì hụi còn 06 lần nữa mới mãn. Nên bà P yêu cầu ông A1, bà Đ phải liên đới trả cho bà P số tiền hụi là 350.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

- Bà không tham gia chơi hụi do bà P làm chủ. Các biên nhận giao hụi ngày 29/8/2015 âm lịch với số tiền 147.500.000, ngày 29/10/2015 âm lịch với số tiền 152.500.000 đồng, ngày 29/11/2015 âm lịch với số tiền 155.000.000 đồng bà không viết, không ký tên vào các biên nhận giao hụi trên.

Bà chỉ nhận tiền của bà P hai lần, mỗi lần 150.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng, mỗi tháng bà trả cho bà P 30.000.000 đồng để góp hụi. Đến ngày 10/10/2016 âm lịch, bà P có yêu cầu bà viết biên nhận còn nợ tiền hụi là 200.000.000 đồng. Phía sau biên nhận ngày 10/10/2016 âm lịch bà có viết bà chỉ viết biên nhận này thôi, ngoài ra không còn biên nhận nào khác. Bà yêu cầu bà P phải đưa ra bản chính của biên nhận này.

Sau khi viết biên nhận bà đã trả cho bà P nhiều lần nhưng bà P chỉ tính vào tiền lãi mà không tính vào số tiền 200.000.000 đồng, khi trả bà không yêu cầu bà P viết biên nhận.

Nay bà P yêu cầu bà trả số tiền 350.000.000 đồng, bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng. Bà xin trả mỗi tháng 50.000.000 đồng, bắt đầu trả vào ngày 29/11/2017 cho đến khi hết số nợ.

- Đối với yêu cầu của bà Phương khởi kiện bà và chồng bà là ông Ngô Văn A1 (3 T1) liên đới trả số tiền 350.000.000 đồng tiền hụi của dây hụi mở ngày 09/11/2015 âm lịch (dương lịch là ngày 19/12/2015), kết thúc vào ngày 09/7/2017 âm lịch, ý kiến của bà là: Bà và ông A1 không có tham gia chơi hụi do bà P làm đầu thảo, Biên nhận ngày 26/01/2017, số tiền 170.000.000 đồng do bà P gây sức ép buộc ông A1 phải viết và ký tên hẹn 10 ngày trả tiền trong lúc bà không có mặt, số tiền trong biên nhận này liên quan đến số tiền của Biên nhận ngày 10/10/2016 âm lịch do bà viết; việc bà P ép ông A1 viết biên nhận nhưng ông A1 không có báo chính chính quyền địa phương.

Sau khi ông A1 viết biên nhận, 10 ngày bà không có tiền trả cho bà P nên bà P dẫn theo một số người đến đập quán của bà 03 lần, bà có báo Công an xã T và Công an thành phố T.

Nay bà P yêu cầu bà và ông A1 liên đới trả số tiền 350.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, bà không đồng ý.

** Bị đơn ông Ngô Văn A1 trình bày:*

Ông có biết việc bà Đ giao dịch tiền bạc, riêng ông thì không liên quan gì đến việc giao dịch này. Vợ ông là bà Đ có một hai lần nhờ ông đưa tiền cho bà P nhưng ông không biết tiền gì. Ông có viết Biên nhận ngày 29/12/2016 âm lịch số tiền 170.000.000 đồng cho bà P. Tại thời điểm viết biên nhận thì bà P có buộc ông viết nhưng không có đe dọa và sau khi viết ông không báo chính quyền địa phương. Khi ông viết biên nhận thì ông có xin trả tiền cho bà P vào ngày 10/01/2017 âm lịch. Khi vợ ông về, ông có nói lại với vợ ông về việc viết biên nhận cho bà P.

Nay, bà P khởi kiện yêu cầu ông và bà Đ liên đới trả số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 09/11/2015 âm lịch với số tiền là 350.000.000 đồng, ông không đồng ý trả, vì ông không liên quan gì đến việc giao dịch tiền bạc giữa bà P và bà Đ.

Ông chỉ đồng ý cùng bà Đ trả cho bà P số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2016 âm lịch và xin gia hạn 04 tháng, trả lãi 4.000.000 đồng/tháng; nếu bán đất được thì vợ chồng ông trả sớm số tiền trên cho bà Phương làm một lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A đại diện theo ủy quyền của bà P yêu cầu bà Đ phải trả số tiền hụi còn thiếu của 03 dây hụi các ngày: Ngày 29/8/2015 âm lịch, ngày 29/10/2015 âm lịch, ngày 29/11/2015 âm lịch với số tiền 350.000.000 đồng và yêu cầu bà Đ, ông A1 liên đới trả số tiền hụi của dây hụi ngày 09/11/2015 âm lịch là 350.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật; Bà Đ đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/10/2016, bà không đồng ý trả theo các biên nhận khác mà bà P yêu cầu, bà xin gia hạn 04 tháng, sau đó mỗi tháng trả 50.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng/tháng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 177/2017/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 350.000.000 đồng tiền hụi của 03 dây hụi ngày 29/8/2015 âm lịch, ngày 29/10/2015 âm lịch, ngày 29/11/2015 âm lịch, trả một lần. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Ngô Văn A1 (3 T1) liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P 350.000.000 đồng tiền hụi của dây hụi ngày 09/11/2015 âm lịch, trả một lần. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 06/12/2017, bà Nguyễn Thị Đ và ông Ngô Văn A1 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm;

Về nội dung: yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, không được nguyên đơn chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Đ có đơn xin miễn giảm án phí có chính quyền địa phương xác nhận hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn giản án phí theo luật định, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bán án sơ thẩm về phần án phí.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, ông Ngô Văn A1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện đòi bà Nguyễn Thị Đ, ông Ngô Văn A1 trả số tiền nợ hụi 700.000.000đ, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật " Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là có cơ sở, phù hợp pháp luật. Ông Ngô Văn A1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông A1 theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng bà Đức chỉ nhận của bà P 02 lần tiền tổng cộng là 300.000.000đ, sau đó trả dần mỗi tháng 30.000.000đ, đến ngày 10/10/2016 bà P kêu bà Đ làm biên nhận 200.000.000đ và bà Đ tiếp tục trả thêm được 85.000.000đồng nhưng không làm giấy tờ gì, bà Đ xác định không tham gia chơi các dây hụi mà bà P khai và chỉ đồng ý trả 200.000.000đ vì vậy yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, sửa án sơ thẩm.

Xét thấy, bà Đ cho rằng chỉ vay mượn tiền và không tham gia chơi bất cứ dây hụi nào của bà P, tuy nhiên căn cứ vào kết luận giám định số 2637/B ngày 04/10/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 107) thì 05 biên nhận nợ hụi mà phía bà P cung cấp (bút lục từ 53- 58 trong đó thể hiện bà Đ tham gia chơi các dây hụi) thì xác định chính do bà Đ ký xác nhận nợ các biên nhận nợ này. Tại phiên tòa phúc thẩm và suốt quá trình giải quyết bà Đ không cung cấp chứng cứ để chứng minh phản bác yêu cầu của bà P. Mặt khác lời khai của bà Đ trước sau không thống nhất, lúc thì khai sau khi làm biên nhận 200.000.000đồng ngày 10/10/2016 bà trả nhiều lần được 85.000.000đồng, lúc lại khai 95.000.000đ nhưng lại đồng ý trả 200.000.000đồng nên ý kiến của bà Đức không có căn cứ để xem xét.

Đối với việc ông A1 cho rằng không biết, không tham gia chơi hụi, không nợ tiền bà P, ông chỉ tự nguyện cùng bà Đ trả 200.000.000đ. Lời trình bày và khai nại của ông A1 chưa thuyết phục, bỡi lẽ, việc bà Đ tham gia chơi hụi của bà P ông A1 vẫn biết, nhiều lần đóng hụi, ký biên nhận nợ (bút lục 59), ông và bà Đ là vợ chồng nên phần tài sản, nợ phát sinh trong thời gian này là trách nhiệm chung của vợ chồng, cấp sơ thẩm buộc ông A1 liên đơi cùng bà Đ trả cho bà P số

tiền 350.000.000đ của dây hụi ngày 09/11/2015 âm lịch là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ các phân tích trên, xét kháng cáo của ông A1, bà Đ là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, cần giữ y bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ theo lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà Đ có nộp đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử xét giảm cho bà 50% án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 28 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và ông Ngô Văn A1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 177/2017/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Tiền Giang về phần án phí.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 350.000.000 đồng tiền hụi của 03 dây hụi ngày 29/8/2015 âm lịch, ngày 29/10/2015 âm lịch, ngày 29/11/2015 âm lịch, trả một lần. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Ngô Văn A1 (3 T1) liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P 350.000.000 đồng tiền hụi của dây hụi ngày 09/11/2015 âm lịch, trả một lần. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Đ, ông Ngô Văn A1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thơi gian chậm thi hành.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 13.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã được xét giảm 50%).

Ông Ngô Văn A1 phải chịu 8.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Ngô Văn A1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0011876 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tiền Giang nên không phải nộp thêm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị P 17.500.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo các biên lai số 31850 ngày 04/5/2017 và biên lai số 31983 ngày 30/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tiền Giang

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng